

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở
năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	6 lớp (220 HS)	7 lớp (173 HS)	7 lớp (250 HS)	8 lớp (234 HS)
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- Khối 6, 7 gồm 14 lớp học theo chương trình 2018: chọn Bộ sách giáo khoa Chân trời sáng tạo ở các môn; Tin học là sách Cánh diều và Tiếng Anh là Friend Plus. - Khối 8,9 học theo chương trình Quyết định 16 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Ngoài ra, 15 lớp học theo chương trình tiếng Anh tích hợp của Sở Giáo dục và Đào tạo Tp.HCM, 8 tiết tiếng Anh.			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Thường xuyên trao đổi phối hợp chặt chẽ giữa gia đình và nhà trường thông qua các phương tiện: điện thoại, sổ liên lạc, website, facebook THCS Nguyễn Du Q.1... - HS thực hiện nghiêm túc nội quy, quy định của nhà trường. - 100% HS học tập chuyên cần.			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Tổ chức các buổi sinh hoạt giáo dục kỹ năng thực hành xã hội và các hoạt động chuyên đề thông qua các buổi sinh hoạt chào cờ đầu tuần; tiết sinh hoạt chủ nhiệm, hoạt động ngoài giờ lên lớp. - Tổ chức các hoạt động Trải nghiệm ở các bộ môn tại Thảo Cầm Viên, công viên Tao Đàn, Bảo tàng lịch sử - Tổ chức cho HS tham quan ngoại khóa 1 lần/ 1 năm.			
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- 100% HS có đủ sức khỏe để học tập.			

		- Học sinh được hình thành 1 số kỹ năng như: làm việc nhóm, tư duy sáng tạo, lên kế hoạch - Dự kiến về kết quả xếp loại hai mặt giáo dục như sau: + Học lực: Giỏi Khá đạt: 76%. + Hạnh kiểm Tốt khá đạt: 100%.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Học sinh theo học hết chương trình đào tạo cấp THCS đủ điều kiện chuyển lên THPT là : 100%.

Quận 1, ngày 14 tháng 9 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Đoàn Trang

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở (tháng 9/2022)
Năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	29	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	29	0.98
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	8	0.34
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)		-
7	Bình quân lớp/phòng học	1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	35 - 50	40
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	2045	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	673	0.5
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	48	1.09
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	55	1.3
3	Diện tích thư viện (m ²)	84	0.06
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	36/90	
VII		47	Số bộ/lớp



1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	36	1.3
1.1	Khối lớp 6	8	1.2
1.2	Khối lớp 7	8	1.3
1.3	Khối lớp 8	8	1.2
1.4	Khối lớp 9	8	1.0
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	137	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	1	0.03
2	Cát xét	0	0.03
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	0
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	29	1
5	Bảng tương tác	13	0.4
6	Âm thanh: micro, loa, am li	10	0.31
7	Máy tính xách tay	10	0.31

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	Không
XI	Nhà ăn	Không

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	48	35	1.4
XIII	Khu nội trú	không		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1		4	48	0.13
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	không	không		không	

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Quận 1, ngày 6 tháng 9 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Đoàn Trang



THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường
trung học cơ sở năm học 2021 - 2022**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			T	S	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	62		9	44	1	4	4	20	37		18	35		
I	Giáo viên														
	Trong đó số giáo viên dạy môn:	49		6	43	1			19	30		9	40		
1	Toán	8		2	6				6	2		1	7		
2	Lý	3		1	2				1	2		1	2		
3	Hóa	2			2					2			1		
4	Sinh	3		1	2				1	2		1	3		
5	Anh	5			5				1	4			5		
6	Văn	8		1	7				4	2		1	7		
7	Sử	3			3					3		3	0		
8	Địa	3		1	2				1	2			3		
9	GDCD	2		1	1					2		1	1		
10	Tin học	3			3				1	2		1	2		
11	CN	3		1	1	1			2	1			3		
12	Nhạc	1			1				1				1		
13	Họa	1			1					1			1		
14	Thể dục	4			4					4			4		
II	Cán bộ quản lý	3		3					1	2		3			

1	Hiệu trưởng	1		1					1		1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2			1	1		2			
III	Nhân viên	10			2		4	4						
1	Nhân viên văn thư	1					1							
2	Nhân viên kế toán	1			1									
3	Thủ quỹ	1					1							
4	Nhân viên y tế	1					1							
5	Nhân viên thư viện	1			1									
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm													
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật													
8	Nhân viên công nghệ thông tin	1					1							
9	Phục vụ	2						2						
10	Bảo vệ	2						2						

Quận 1, ngày 14 tháng 9 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Đoàn Trang